

Bản án số: 450/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 12 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị M và anh C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim P

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn H – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn số: 203/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Thượng, xã Phú Thành, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Quách Thanh Ph của Văn phòng luật sư Quách Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Trần Văn Sơn C , sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 06, ấp Phú Quới, xã Phú Thành, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 Tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy M trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2009 chị và anh Trần Văn Sơn C tự nguyện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2011 lúc này chị sinh con được 02 tháng tuổi thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ tháng 3 năm 2010 đến nay chị và anh C ly thân. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Long Khang, sinh ngày 17/12/2010, chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Tại văn bản ngày 08/12/2020 cháu Khang có nguyện vọng sống với mẹ.

- Về chia tài sản và nợ chung: chị M khai không có.

Ngày 18/11/2020 chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 18/11/2020 anh Trần Văn Sơn C trình bày: anh thống nhất với trình bày trên của chị M. Anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Long Khang, sinh ngày 17/12/2010 cho chị M nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu cấp dưỡng cho con, nên anh không cấp dưỡng. Ngày 18/11/2020 anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về chia tài sản và nợ chung: anh C khai không có.

Tòa án tiến hành xác minh về đăng ký kết hôn của đương sự, tại văn bản số 655/UBND-TP ngày 24/11/2020 về việc cung cấp thông tin dữ liệu hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã Phú Thành cho biết kiểm tra sổ đăng ký kết hôn đang lưu trữ tại xã Phú Thành không tìm thấy việc đăng ký kết hôn của ông Trần Văn Sơn C và bà Nguyễn Thị Thùy M.

Luật sư Quách Thanh Phong phát biểu ý kiến, năm 2009 chị M và anh C sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo Nghị quyết số 35 năm 2000 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh C là vợ chồng. Về nuôi con chung, hai bên thống nhất chị M được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Long Khang, sinh ngày 17/12/2010, đề nghị giao

cháu Khang cho chị M nuôi. Về chia tài sản và nợ chung, hai bên đều khai không có, nên Luật sư không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thùy M yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Sơn C, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị không công nhận chị M và anh C là vợ chồng; nuôi con chung, đề nghị giao con chung Nguyễn Long Khang, sinh ngày 17/12/2010 cho chị M nuôi, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên anh C không phải cấp dưỡng; đương sự không yêu cầu chia tài sản nên không xem xét; về án phí chị M phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Thùy M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Sơn C, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M và anh C.

[2] Về nội dung:

3] Năm 2009 chị Nguyễn Thị Thùy M và anh Trần Văn Sơn C sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và đề nghị của Luật sư, đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên không công nhận chị Nguyễn Thị Thùy M và anh Trần Văn Sơn C là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: chị M và anh C thống nhất chị M được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Long Khang, sinh ngày 17/12/2010, cháu Khang cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị của Luật sư và của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận giao cháu Khang cho chị M trực tiếp nuôi, anh C không phải cấp dưỡng cho con.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[6] Về chia tài sản: hai bên khai không có, nên Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị M và anh C thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Thùy M và anh Trần Văn Sơn C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Long Khang, sinh ngày 17/12/2010 cho chị M trực tiếp nuôi, chị đang nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng cho con.

2.2. Anh Trần Văn Sơn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị M và anh C thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thùy M phải chịu 150.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001706 ngày 18/11/2020, còn lại 150.000đ hoàn trả cho chị M tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- UBND xã Phú Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương